



VUA MINH MẠNG TRỪNG TRỊ NẠN “QUAN THAM LẠI NHỮNG”

Ngô Đức Lập^{*1}, Hồ Ngọc Đăng²

¹ Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Huế, Việt Nam

² Học viện Cán bộ thành phố Hồ Chí Minh, 324 Chu Văn An, Bình Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Vua Minh Mạng là vị vua có nhiều đóng góp cho lịch sử dân tộc trên nhiều lĩnh vực. Để có được thành công đó, trong quá trình trị vì ông đã dày công xây dựng đội ngũ quan lại mẫn cán và bộ máy hành chính chặt chẽ. Ông đã có nhiều giải pháp để tuyển chọn được đội ngũ quan lại đáp ứng được các điều kiện về tài, đức, trung với vua và yêu thương dân chúng. Không dừng lại ở đó, ông cũng được biết đến là vị vua công bằng và rất nghiêm khắc, ông sẵn sàng trừng trị nặng những vị quan lại sai phạm... Tuy đã trải qua gần 2 thế kỷ nhưng những kinh nghiệm của ông trong quản lý, giám sát và trừng trị quan lại sai phạm vẫn còn nguyên giá trị để có thể đúc rút những kinh nghiệm cho công tác quản lý, sử dụng cán bộ hiện nay ở Việt Nam.

Từ khóa: quan lại, tham nhũng, vua Minh Mạng

Trong hai thập niên trị vì (1820–1840), vua Minh Mạng luôn quan niệm lấy pháp luật làm thước đo trong quản lý và vận hành đội ngũ quan lại. Ông từng nhận định rằng: “*Pháp luật là phép công, chẳng tư vị ai*”; và khẳng định “*ta rất công bằng, nhưng pháp giữ đúng pháp luật*” nếu “*khoan thứ, thì lấy gì để răn dạy những kẻ hèn nhát, đón hèn và làm sáng tỏ phép nước được?*” [6, Tr. 427–564]. Bất cứ ai, dù là công thần hay hoàng thân, quốc thích tham ô, tư lợi của nhà nước hay hạch sách, nhũng nhiễu dân chúng đều bị trừng trị thích đáng.

1. Công bằng và không tư vị, nể nang

Bất cứ ai, dù là hoàng thân quốc thích hay công thần của triều đình nếu tham ô, tư lợi của nhà nước, hạch sách, nhũng nhiễu dân chúng đều bị vua Minh Mạng trừng trị theo pháp luật. Ông từng bảo Nội các rằng: “*Ta từ khi lên ngôi đến nay, dùng người làm việc, giữ một mực công bằng, đâu có kẻ tôi con thân tín từ trước cũng chỉ dùng theo tài năng chứ không tư vị một người nào. Kẻ nào có tội cũng theo pháp luật trừng trị, chưa từng gượng nhẹ bao giờ*” [7, Tr. 437–438]. Trùng hợp Thượng thư bộ Lễ Phan Huy Thực là một ví dụ điển hình. Năm Bính Thân 1836, Phan Huy

*Liên hệ: ngoduclap1976@gmail.com

Thực vì không thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thuộc viên của mình trong việc giữ gìn, bảo quản đồ thờ ở Thế Miếu, để gian thủ lấy vàng giả đổi vàng thật. Vua Minh Mạng đã ra lệnh cách chức Thượng thư bộ Lễ [8, Tr. 23]. Trong thời gian trị vì, ông đã cách chức, giáng chức 4 thượng thư, kể cả Thượng thư bộ Hình vì thiếu trách nhiệm hoặc móc ngoặc với gian thần dẫn đến gây hậu quả xấu [4, Tr. 39]. Hay năm 1829, Thượng thư bộ Lại Trần Lợi Trinh đã lợi dụng lấy tài sản của tội phạm Trần Nhật Vĩnh. Việc bị phát giác, vua cho như vậy là xảo trá, che chở tội phạm. Đặc biệt, *“Trinh vốn là một viên quan nhỏ, đâu đời Minh Mệnh điều vào dùng ở Kinh, chưa được vài năm đã nhấc đến đầu ban¹ nhà nước đặc cách dùng người, đối với hắn như thế không phải là không hậu. Thế mà không nghĩ lấy lòng công trung thờ trên, lấy thanh liêm khuyên dưới, lại dám coi thường pháp luật, mưu cầu lợi riêng, dối vua giúp bạn”* [5, Tr. 833]. Vua không cho khoan hồng, như vậy sẽ *“không lấy gì mà chính đốn được kỷ luật của triều đình”*, liền cho giải chức và giao cho bộ Hình nghiêm trị nhưng Trần Lợi Trinh đã bị bệnh chết [5, Tr. 833].

2. Nghiêm trị đối với những người “cầm cân nảy mực”

Dưới triều Minh Mạng, bộ Hình có trách nhiệm xét xử hình án và Đô sát Viện (bao gồm cả lục khoa và Giám sát ngự sử 16 đạo) có nhiệm vụ giám sát hoạt động của toàn bộ quan lại. Đây là hai tổ chức có trách nhiệm *“cầm cân nảy mực”* giúp vua trong hoạt động tư pháp để tham hặc và xét xử sai trái của quan lại, đảm bảo sự công bằng cho dân chúng. Tuy nhiên, trong quá trình thực thi trọng trách vua tin tưởng giao phó, có những vị quan lại do cố ý hay vô tình phạm phải sai lầm. Để hạn chế tình trạng đó, vua Minh Mạng đã rất công bằng nghiêm trị những sai trái đó. Năm 1827, trước tình hình một số quan lại của đảm trách hình án ở Bắc Thành: *“liên kết bè đảng, nhiều người ăn của lót mưu lợi riêng, công việc tự ý mình làm nặng mà nhẹ”* gây bất bình trong dân chúng, vua Minh Mạng liền sai các quan Bắc Thành *“sát hạch bọn ty viên thư lại”*. Đối với những người *“múa máy văn từ, cọt đùa pháp luật, điên đảo phải trái”* thì nghiêm hặc nhằm trừng trị, để *“người tốt thì tiến lên, người xấu thì đuổi về”* [5, Tr. 569].

Đặc biệt, đối với những vị quan lợi dụng quyền hành để *“đổi trắng thay đen”*, giảm tội cho người có tội, vu oan cho người vô tội bị vua Minh Mạng trừng trị nặng. Có lần, Huyện thừa Văn Giang là Đặng Đình Tuấn và cha của ông là Thiêm sự Hình tào Đặng Đình Dương cùng với Hình tào Vũ Đức Thông lợi dụng quyền hạn, cấu kết tha tội cho kẻ phạm tội để buộc tội người khác. Gia đình người bị án oan kêu oan. Vua sai Thiêm sự Hoàng Văn Đản và Lang trung Phạm Đình Học hội tra xét. Vua nói rằng: *“Vũ Đức Thông được chuyên uỷ việc hình án Bắc Thành, các án đều phải xét rõ lẽ để cho hình không oán lạm, mới là không phụ chức vụ. Thế mà gặp việc án mạng nghiêm trọng lại cùng cha con Đặng Đình Dương thông đồng che giấu vết vôi, đem pháp luật của nhà*

¹ Đầu ban là chức quan đứng đầu Bộ như Thượng thư [5, Tr. 833].

nước tự ý mình múa rối, tội ấy kể sao cho xiết, theo luật mà xử, chẳng quá đáng đâu”. Phạt Đặng Đình Tuấn tội lưu, Đặng Đình Dương tội đày, Vũ Đức Thông tội trảm giam hậu [5, Tr. 583].

Để giúp vua và triều đình giám sát và đàn hặc quan lại trong cả nước khi phạm lỗi lầm, năm 1831 vua Minh Mạng cho thành lập Đô sát viện. Đây chính là cơ quan “*tai mắt*”, giúp vua thấy được những tên quan lại sâu một đục khoét tiền của, tài sản của triều đình và những nhiễu, ức hiếp dân chúng. Thực tiễn, những “*ngôn quan*”, “*gián quan*” của Đô sát viện đã đàn hặc nhiều vị “*quan tham, lại những*” để vua trừng trị. Tuy nhiên, cũng có những thuộc viên của Đô sát viện lợi dụng lòng tin của vua và quyền hành được giao phó đã phạm tội, bị vua Minh Mạng trừng trị. Năm 1840, Cấp sự trung Vũ Trọng Bình tham hặc Giám sát ngự sử đạo Bình Phú Nguyễn Thị khi được phái đi thanh tra ở Phú Yên đã lấy vợ lẽ, mua ngựa riêng. Vua Minh Mạng lập tức phạt Nguyễn Thị tội đày, sau tha cho, nhưng bị phái đi Trấn Tây để cố sức làm việc chuộc tội [8, Tr. 681–682].

3. Đối với những quan lợi dụng quyền hạn để tư lợi và không “chăm dân”

Triều Nguyễn nói chung, vua Minh Mạng nói riêng, vẫn thường xuyên áp dụng các định chế, chính sách như cơ chế “*hồi tự*”, khảo khóa và thanh tra, giám sát hay chế độ lương bổng, tiền “*duỡng liêm*”..., nhưng tình trạng quan lại lợi dụng chức quyền và kết bè kéo cánh để tư lợi hay hạch sách dân chúng vẫn xảy ra. Thụ Tuần phủ Nam Ngãi là Đặng Chương khi còn làm Tham hiệp Quảng Nam đã lấy vợ lẽ là người trong hạt và tư vị cho anh của vợ lẽ là Thư lại đã bị tước tên được hồi ngạch, nhưng Án sát Quảng Nam là Phạm Thế Hiển đã đồng sự với Hiệp trấn Hoàng Công Tài không tham hặc. Năm 1832, sự việc bị phát giác tâu lên vua. Vua giáng phạt Chương xuống làm Viên ngoại lang bộ Binh còn Hiển xuống làm Viên ngoại lang bộ Hộ [5, Tr. 471]. Vua Minh Mạng luôn lấy pháp luật làm thước đo để răn đe, xử phạt quan lại, do đó bất cứ ai sai phạm đều bị xử phạt theo quy định, kể cả việc hệ trọng, cần kíp của gia đình.

Dưới thời trị vì của mình, vua Minh Mạng rất quan tâm quản lý hệ thống các kho ở Kinh đô và các tỉnh. Bởi đây chính là nơi thu giữ, cấp phát lương thực, tài sản của triều đình nên quan lại quản lý những nơi này có thể lợi dụng để tham nhũng của nhà nước hay bòn rút lương thực khi dân đóng thuế. Nếu tình trạng đó xảy ra thì dân chúng sẽ thất thiệt, dẫn đến bất bình, mất lòng dân và tài sản của triều đình sẽ bị thất thoát. Nhận biết tầm quan trọng đó, vua Minh Mạng đã có những quy định về quản lý hệ thống kho tàng, đồng thời xử phạt rất nặng những quan lại sai phạm. Chẳng hạn, năm 1832, Đinh Văn Tăng – người coi kho ở Sơn Tây, khi đóng thóc cấp phát đã cố tình dùng tay gạt thóc làm không đầy斛 để tư lợi phần dư, đã bị Đoàn Văn Chử bí mật do thám bắt được quả tang. Vua liền: “*chuẩn cho lập tức chém đầu Đinh Văn Tăng đem bêu và chặt một bàn tay, uốp muôi phơi khô, rồi treo lên mãi mãi, để quan lại binh lính chức dịch*

trông thấy mà sờn lòng, không dám phạm nữa". Những người liên đới đều bị xử phạt theo thứ bậc² và thường cho Đoàn Văn Chử có công phát hiện 20 lạng bạc và bổ Chánh Đội trưởng.

Vua Minh Mạng được biết đến là một vị vua luôn lo cho dân chúng. Trong quá trình trị vì, ông đã ban định nhiều chính sách để *"khoan thu sức dân"*, đồng thời cũng có những ưu đãi đối với quan lại ở địa phương hòng nuôi lòng liêm khiết để thay vua *"chăm dân"*. Năm 1835, trước tình hình dân chúng một số nơi thuộc hạt Minh Linh (huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị) bị thiên tai, mất mùa dẫn đến hơn 400 người chết đói, dân phải tha phương nhưng Tri phủ ở đây không báo lên tỉnh, còn quan tỉnh thì bác đơn của dân. Vua Minh Mạng đã cho Ngự sử đạo Long Tường là Vũ Danh Thạch đi thăm dò tình hình, khi về sự tình đúng như vậy, ông xin trừng trị quan tỉnh ở đây, vua Minh Mạng phạt Hà Học Hải (Tri phủ phủ Triệu Phong) phải phát phối làm lính phủ Cam Lộ, còn Tuần phủ Quảng Trị Trần Danh Bưu bị bắt giam chờ xét xử [7, Tr. 371]...

Có những vị quan lại tham lam đã lợi dụng quyền hạn hạch sách, những nhiễu dân chúng đã bị vua Minh Mạng thẳng tay trừng trị, thậm chí phạt nặng hơn quy định của pháp luật. Năm 1832, Phó vệ úy Tả vệ Quảng Trị là Nguyễn Xuân Cát khi được phái đến xã Phú An (thuộc tỉnh Tuyên Quang) để dò thám tình hình giặc đã dọa nạt lấy bạc và ngựa của dân. Vụ việc đã bị Ngự sử Đặng Kim Giám phát giác tâu hặc. Vua Minh Mạng phạt Nguyễn Xuân Cát tội trảm giam hậu.

4. Phạt nặng để răn đe và khoan hồng để quan "cầu tiến"

Vua Minh Mạng từng dụ rằng: *"Lời dạy của Kinh Dịch là để phòng từ khi việc mới chớm nảy; phép của Kinh Xuân Thu là cần phải trừng trị từ trong lòng. Đó là để trừ tuyệt mầm ác và giữ nền thịnh trị mãi mãi về sau"*. Nhưng khi sự việc đã xảy ra thì *"tuy cái nguồn rất nhỏ, nhưng dòng nó sẽ đến tràn lan, thì không thể không nghiêm trị để triệt mầm gian được"* [7, Tr. 437–438]. Vua Minh Mạng thường áp dụng nguyên tắc: *"Sát nhất nhân, vạn nhân cụ"* (giết một người làm vạn người sợ) trong quản lý và sử dụng quan lại. Đối với những quan lại cố tình tham ô, bòn rút tài sản của triều đình hay của dân chúng đều bị ông xử phạt nặng. Năm 1822, ở Quảng Đức và Quảng Trị mất mùa, giá gạo tăng cao, triều đình cho phái Biên tu Hà Quyền hiệp cùng dinh thần Quảng Đức phát ra bán 15.000 hộ thóc và Biên tu Ngô Thế Mỹ, Nguyễn Duy Phiên hiệp cùng dinh thần Quảng Trị phát ra bán 10.000 hộ thóc. Tuy nhiên, khi lính quản lý kho là Đặng Văn Khuê đong thóc cố tính thiếu. Vua Minh Mạng liền lệnh phạt chém. Vua dụ đình thần rằng: *"Ở dưới bánh xe ta mà lính kho dám cố ý làm tệ, bớt của người để béo cho mình, xử đến trọng hình cũng còn thừa tội"* [5, Tr. 245].

² Bổ chính Lê Nguyên Hy vì không xem xét phải giáng chức; Suất đội Nguyễn Viêt Tân có trách nhiệm kiểm soát bị phạt 100 trượng, đày 3 năm; 40 người lính coi kho dựa nhau làm gian đều đem đóng gông để ở cửa kho 1 tháng, khi hết hạn đánh 100 trượng, đuổi về hàng ngũ cũ, phái lính khác đến thay.

Ông thường quan niệm xử nặng những người trước lỗi lầm để răn đe người khác. Năm Minh Mạng thứ 6 (1826), Trần Công Trung làm việc ở kho Kinh đô đòi hối lộ 10 lượng bạc; việc bị phát giác, vua Minh Mạng nói: *“Vu án Đặng Văn Khuê năm Minh Mạng thứ 3 đã theo luật nghiêm trị, thế mà bọn Trung còn dám công nhiên làm vậy, không kiêng sợ gì, tuy tang vật không quá 10 lượng, luật quý ở chỗ làm cho lòng người sợ hãi, nếu nhu như để sống một mạng thì e sau này những kẻ kinh nhờn pháp luật sẽ nhiều ra, không thể giết hết được”*, bèn sai chém Trần Công Trung để răn đe [9, Tr. 102–103.].

Mặc dù luôn lấy pháp luật làm thước đo để quản lý và sử dụng quan lại nhưng vua Minh Mạng cũng được biết đến là một minh quân. Ông được biết đến là *“người áp dụng các hình phạt nghiêm khắc, nhưng thấu tình đạt lý”* [4, Tr. 139]. Vua quan niệm *“Pháp luật là cái cân công bằng của thiên hạ, ta là một người cầm cân, rất công bằng, chính đáng, nắm cả hai bên, so lấy đúng giữa, cốt sao trọng việc thi hành pháp luật vẫn có ý khoan hòa nhân hậu”*. Ông từng dụ Nội các rằng: *“Đường lối làm chính trị cốt phải khoan hòa nhân hậu, chẳng nên chuyên dùng nghiêm khắc”*. Do vậy *“đôi với một việc hình phạt vẫn thường để tâm thận trọng càng hơn, có khi khoan nhân, có khi nghiêm khắc, châm chước lựa dùng, cốt phải cân nhắc tùy theo án tình nặng hay nhẹ”* [6, Tr. 489]. Ví như năm 1831, Hữu tham tri Hình bộ Nguyễn Công Trứ và Hiệp trấn Nam Định Nguyễn Nhược Sơn khi được phái đi đo đạc doanh điền ở Nam Định đã cho Phí Quý Trại có tiếng là hào phú làm Huyện thừa huyện Tiền Hải. Việc bị Tả thị lang Hộ bộ Hoàng Quỳnh tâu hạch. Vua Minh Mạng giao đình thần điều tra, xét xử, án thành đề nghị giáng chức Nguyễn Công Trứ và Nguyễn Nhược Sơn nhưng ông nghĩ Nguyễn Công Trứ và Nguyễn Nhược Sơn trước đây đều có công và là những vị quan liêm khiết nên đặc ơn đổi giáng bổ Trứ làm Tri huyện Kinh huyện, còn giáng bổ Sơn làm Tri huyện Tiền Hải [6, Tr. 129–130].

Vua Minh Mạng anh minh và rất nghiêm khắc trong *“dụng nhân”* nhưng cũng là một hoàng đế luôn *“khoan thư sức quan”*. Đối với những vị quan giỏi, nếu phạm lỗi ông sẽ xử phạt theo luật định, nhưng sau đó biết sửa sai, ăn năn hối lỗi, ông sẽ bổ dụng lại. Năm 1834, vua Minh Mạng sai bộ Lại bàn xét bổ dụng lại những người xuất thân cử nhân, trước đã có lỗi bị giáng chức, nay đổi sang chức giáo thụ và huấn đạo ở các địa phương còn khuyết nhiều. Nhà vua còn bảo: *“Ta đêm ngày nghĩ việc dùng người, chỉ muốn bồi dưỡng nhân tài ở chức được lâu. Duy có công thì thưởng, có tội thì phạt, đó là phép thường của Nhà nước, công pháp quyết chẳng bỏ được. Nay chủ nhà đôi với tôi tớ, kẻ nào chăm chỉ được việc, cũng còn yêu thương, huống chi bầy tôi biết phấn khởi, cố gắng, ông vua há nỡ cứ bỏ đi sao?”* [7, Tr. 15].

5. Áp dụng chế độ “dưỡng liêm”

Vua Minh Mạng từng cho rằng triều đình phải làm sao để cho nạn “quan tham lại những” không diễn ra. Một trong những biện pháp đã được ông thực thi đó là áp dụng chế độ lương bổng, đãi ngộ phù hợp để quan lại lo cho cuộc sống gia đình và yên tâm cùng hoàng đế

trị nước. Ngoài chế độ lương theo ngạch bậc, hàng năm triều đình đều cấp lộc điền, quân lính, phương tiện đi lại, tiền xuân phục và áo ấm mùa đông cho quan lại theo thứ bậc. Đặc biệt, để nuôi dưỡng lòng tham liêm, mẫn cán của đội ngũ quan lại, vua Minh Mạng đã ban định chế độ dưỡng liêm.

Vua Minh Mạng từng quan niệm: *“Tiên dưỡng liêm là để khuyến khích tiết tháo trong sạch”* [6, Tr. 213] và để quan lại không vì sự nghèo túng mà ăn hối lộ của dân. Chế độ dưỡng liêm thường được cấp cho những vị quan có lòng liêm và nhất là những người phải đảm trách những công việc nặng nhọc, trách nhiệm lớn lao và điều kiện làm việc khó khăn. Vua Minh Mạng từng quy định chỉ cấp tiền dưỡng liêm cho các quan đảm trách khối lượng công việc nhiều và những công việc nhạy cảm liên quan đến án hình, quyền lợi của quan lại, dân chúng. Ngược lại, những chức việc có điều kiện làm việc tốt, chức trách không nặng nề sẽ không được hưởng chế độ này. Năm 1836, Tổng đốc Hải Yên là Nguyễn Công Trứ tâu xin có ưu đãi riêng cho các giáo thụ, huấn đạo để họ có dạy dỗ tốt hơn và được sĩ tử tin theo. Vua Minh Mạng cho rằng: *“học quan thì việc ít, không như phủ huyện, nếu cũng tăng bổng dưỡng liêm cả một loạt thì các ty trong Kinh ngoài trấn, đâu đâu cũng có chức sự, sao lại ưu đãi riêng các học thần”* nên không chuẩn cho [7, Tr. 1022].

Chế độ dưỡng liêm còn được áp dụng cho những quan lại đảm nhiệm những công việc nặng nhọc, quan lại có gia đình khó khăn. Vua Minh Mạng cho rằng quan lại nghèo túng có thể sinh ra nạn ăn hối lộ của dân, ông hạn định chế độ dưỡng liêm cho những viên quan gia đình hoàn cảnh nghèo túng. Theo đó, Tri phủ được cấp thêm 30 quan, nếu quá khó khăn thì cấp 50 quan; Tri huyện được cấp 25 quan, nếu trường hợp quá thiếu thì cấp 40 quan... Ông cũng quan tâm đối với hàng ngũ thư lại có mức lương thấp. Năm 1822, vua Minh Mạng dụ rằng: *“Trẫm nghĩ bọn người (thư lại vị nhập lưu ở Nội vụ phủ – TG) lương ít, không đủ nuôi đức thanh liêm”* nên cấp thêm lương tháng cho mỗi người 1 quan 5 tiền và 1 phương gạo [5, Tr. 186]. Đến năm 1825 cấp thêm 3 tiền *“để cho lũ ấy đều được đủ nuôi sống và hết lòng phục vụ việc công”*. Tuy nhiên, ông cũng răn thêm rằng: *“nay đã được ngoại lệ gia ân thì đều phải cố gắng, nếu còn tham những hối lộ và không chăm chỉ chức vụ, sẽ thêm bậc mà trị tội”* [5, Tr. 186].

6. Kết luận

Pháp luật chính là công cụ đắc lực để quản lý đất nước và điều chỉnh quan hệ xã hội đối với bất cứ đất nước, thể chế chính trị nào. Đối với vua Minh Mạng, trong 21 năm trị vì, với quan niệm pháp luật làm thước đo trong quản lý, sử dụng quan lại, ông đã thẳng tay trừng trị những quan lại lợi dụng quyền hạn được giao bòn rút tiền của của triều đình và ức hiếp dân chúng. Từ xác định *“Pháp luật là phép công, chẳng tư vị ai”* và *“ta rất công bằng, nhưng pháp giữ đúng pháp luật”*, vua Minh Mạng đã đảm bảo cho mọi người được công bằng trước pháp luật, bất kể người phạm tội là hoàng thân quốc thích hay đại quan, thứ dân. Tuy nhiên, trong quá trình đó, vua

Minh Mạng cũng đã kết hợp tốt giữa pháp trị và đức trị với mong muốn trừng trị nhằm răn đe để người có tội cầu tiến có cơ hội lập công chuộc tội.

Với những biện pháp tích cực trên, vua Minh Mạng đã xây dựng được bộ máy hành chính vững mạnh với đội ngũ quan lại nhiều người hiền tài, mẫn cán được vua và dân tin yêu. Đây chính là một trong những yếu tố giúp cho ông xây dựng được một triều đại vững mạnh trên nhiều lĩnh vực mà ngày nay còn nguyên giá trị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Xuân Đính (2005), *Những câu chuyện pháp luật thời phong kiến*, Tập 2, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
2. Ngô Đức Lập, Hồ Ngọc Đăng (2016), “Hoạt động thanh tra dưới triều Nguyễn giai đoạn 1802–1885”, *Tạp chí Khoa học xã hội* (Viện Khoa học xã hội Nam bộ), Số 7 (203), Tr. 64–65.
3. Nguyễn Hữu Phước (2016), “Pháp gia trong lịch sử tư tưởng chính trị – xã hội Trung Quốc cổ đại và ảnh hưởng của nó đối với xã hội phong kiến Việt Nam”, *Luận án tiến sĩ Triết học*, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, Tập 2.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, Tập 3.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, Tập 4.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, Tập 5.
8. Lê Sĩ Thắng (1997), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, Tập 2.

KING MINH MANG PUNISHES “CORRUPT MANDARINS” OFFENCE

Ngo Duc Lap¹, Ho Ngoc Dang²

¹ University of Sciences, Hue University, 77 Nguyen Hue St., Hue, Vietnam

² Ho Chi Minh City Institute of Cadres, 324 Chu Văn An, Ho Chi Minh city, Vietnam

Abstract: Minh Mang is the King who greatly contributed to the national history in numerous fields. In order to gain those achievements, during his reign, King Minh Mang established a system of diligent government mandarins and righteous administration. He conducted a range of solutions to select the mandarins with capacity, moral, and loyalty to the King as well as the love towards the people. Besides, he was also known as the King of justice and very strict. He was ready to punish all mandarins who made derogations. Although nearly two centuries have passed, his experience on management, supervision, and

punishment of derogated mandarins does not lose the values that can be applied to the management of cadres in Vietnam at present.

Keywords: mandarin, corruption, Minh Mang